

Bản án số: 108/2022/DSST

Ngày: 31-3-2022

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thơ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Phước Trinh

2. Bà Phạm Thị Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thanh Thi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi: Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 31 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 494/2020/TLST-DS ngày 04 tháng 11 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2022/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 75/2022/QĐST-DS ngày 08 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP S; địa chỉ: Lầu 8, 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D; chức vụ: Tổng Giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Đức T; chức vụ: Nhân viên. (Văn bản ủy quyền số: 1169/2020/UQ-TTT) (vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1965.

Địa chỉ: 34/34A đường Võ Văn Điều, ấp M, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện nộp ngày 25/8/2020, bản tự khai ngày 29/3/2020 cùng các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn đã giao nộp cho Tòa án, nguyên đơn trình bày vào ngày 08/11/2011, Ngân hàng Thương mại Cổ phần S và bà Nguyễn Thị N có ký hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng, (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của

Ngân hàng), theo đó Ngân hàng cấp hạn mức sử dụng cho bà N là 15.000.000đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi cấp thẻ Tín dụng, bà N đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 14.300.000đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, từ ngày 22/3/2014 đến ngày 22/9/2015, bà N trả được tổng số tiền là 4.700.000đồng và đến nay không thanh toán tiếp. Qua nhắc nhở nhiều lần nhưng bà N không có thiện chí trả nợ, đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán được quy định tại Điều 2 của Hợp đồng tín dụng. Đến ngày 21/4/2012 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Do bà N vi phạm nghĩa vụ thanh toán trong thỏa thuận của hợp đồng tín dụng, làm ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của Ngân hàng, do vậy Ngân hàng nộp đơn khởi kiện tại Tòa án và yêu cầu Tòa án xét xử buộc bà N phải thanh toán phần nghĩa vụ còn lại tính tới ngày 08/3/2022 là 82.847.927đồng, trong đó nợ gốc là 12.835.454 đồng, nợ lãi quá hạn là 70.012.473 đồng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị N đã được Toà án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không rõ lý do. Do vậy, Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ đơn khởi kiện ngày 25/8/2020 và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị N phải trả số tiền còn nợ tính đến ngày ngày 08/3/2022 là 82.847.927đồng, trong đó nợ gốc là 12.835.454 đồng, nợ lãi quá hạn là 70.012.473 đồng. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là tranh chấp về hợp đồng dân sự hợp đồng tín dụng được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bị đơn bà Nguyễn Thị N có nơi cư trú tại ấp M, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Do vậy, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Củ Chi giải quyết là đúng thẩm quyền.

Tòa án đã tiến hành triệu tập họp lệ lần thứ hai mà bị đơn vẫn vắng mặt không rõ lý do. Đồng thời, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Nguyên đơn xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ cho đến ngày ngày 08/3/2022 là 82.847.927đồng, trong đó nợ gốc là 12.835.454 đồng, nợ lãi quá hạn là 70.012.473 đồng; thời gian và cách trả: Trả một lần ngay khi án phát sinh hiệu lực pháp luật, là trong phạm vi khởi kiện ban đầu.

Thời hiệu khởi kiện: Các đương sự không yêu cầu áp dụng thời hiệu, nên Hội đồng xét xử không áp dụng.

[2] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Ngày 08/11/2011, Ngân hàng Thương mại Cổ phần S và bà Nguyễn Thị N có ký hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng, (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), theo đó Ngân hàng cấp hạn mức sử dụng cho bà N là 15.000.000đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân Sau khi cấp thẻ Tín dụng, bà N đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 14.300.000đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, từ ngày 22/3/2014 đến ngày 22/9/2015, bà N trả được tổng số tiền là 4.700.000đồng và đến nay không thanh toán tiếp. Qua nhắc nhở nhiều lần nhưng bà N không có thiện chí trả nợ. Như vậy, bà N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với hợp đồng tín dụng nêu trên được quy định tại Điều 2 của Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng, mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở. Ngày 21/4/2012 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Do vậy Ngân hàng đã nộp đơn khởi kiện ra Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

Qua trình giải quyết vụ kiện, bà Nguyễn Thị N vắng mặt không rõ lý do mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, đồng thời bà N không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình và cũng không cung cấp bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào cho Tòa để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bà. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để giải quyết vụ kiện.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, Hội đồng xét xử xét thấy ngày 08/11/2011, Ngân hàng Thương mại Cổ phần S và bà Nguyễn Thị N có ký hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Và căn cứ vào Điều 2 của Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng, bà Nguyễn Thị N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đã được thoả thuận, do vậy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[3] Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Luật phí, lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015, nên buộc bị đơn phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 357, 463, 466 và 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Luật các Tổ chức tín dụng; Luật phí, lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Nguyễn Thị N có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền gốc và lãi tính đến ngày 08/3/2022 là 82.847.927 (Tám mươi hai triệu tám trăm bốn mươi bảy ngàn chín trăm hai mươi bảy) đồng, trong đó nợ gốc là 12.835.454 đồng, nợ lãi quá hạn là 70.012.473 đồng.

Thời gian và cách trả: Trả một lần ngay khi án phát sinh hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 08/3/2022 cho đến ngày bà N thanh toán hết số tiền trên cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S thì bà N phải trả thêm tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) được xác lập ngày 08/11/2011 giữa bà N và Ngân hàng.

Địa điểm thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[2] Án phí dân sự sơ thẩm số tiền: 4.142.396 (Bốn triệu một trăm bốn mươi hai ngàn ba trăm chín mươi sáu) đồng, buộc bà Nguyễn Thị N phải chịu.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.806.022 (Một triệu tám trăm lẻ sáu ngàn không trăm hai mươi hai) đồng theo biên lai thu số AA/2019/0084998 ngày 04 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi.

[3] Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi;
- Các đương sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi;
- Lưu: Hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thơ